

Bản án số: 287/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 831/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 568/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 529/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Q, sinh năm 1997; địa chỉ: số 585, ấp Kiến Thuận 2, xã Kiến Thành, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Hồng T, sinh năm 1996; địa chỉ: số 585, ấp Kiến Thuận 2, xã Kiến Thành, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Q trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu chị và anh T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2019 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, anh T thường hay đánh chị, gia đình hai bên có khuyên nhưng anh T không sửa đổi, vợ chồng không còn sống chung

cuối năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Trịnh Thảo Vy, sinh ngày 08/08/2019 hiện nay cháu Vy sống chung với chị Q, khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vy, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị Q xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Chị Võ Thị Q xác định vợ chồng không có.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 01.10.2019 do Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp; Giấy khai sinh của Trịnh Thảo Vy (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị Q không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Q và anh Trịnh Hồng T do tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành ngày 01/10/2019 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Xét thấy, chị Q xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên sử dụng bạo lực với chị Q, ảnh hưởng đến tâm lý và thể chất của chị Q, việc vợ chồng mâu thuẫn cha mẹ

hai bên đều biết nhưng không hàn gắn. Mặc khác, kể từ khi vợ chồng ly thân vào năm 2020 đến khi chị Q gửi đơn khởi kiện anh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị Q, phía chị Q xác định không còn tình cảm với anh T, từ đó cho thấy mục đích hôn nhân giữa chị Q, anh T không đạt, nếu để chị Q, anh T tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Thảo Vy, sinh ngày 08/8/2019, hiện đang sống với chị Q, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Vy hiện đang sống với chị Q đã ổn định về thể chất và tinh thần, để ổn định cuộc sống cho cháu Vy nên tiếp tục để chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Q và anh Trịnh Hồng T.
- Chị Võ Thị Q được tiếp tục chăm sóc cháu Trịnh Thảo Vy, sinh ngày 01/10/2019, anh Trịnh Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Võ Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Hồng T cư trú ấp Kiên Thuận 2, xã Kiên Thành, huyện Chợ M. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trịnh Hồng T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Võ Thị Q và anh Trịnh Hồng T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị Q, anh T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tình cảm anh T thường hay đánh chị, gia đình hai bên có khuyên nhiều lần nhưng anh vẫn không sửa đổi và

không còn sống chung từ tháng 05 năm 2020 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Q và anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Võ Thị Q xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Trịnh Thảo Vy, sinh ngày 08/8/2019, hiện nay cháu Vy sống chung với chị Q, khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vy.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu Vy sống với chị Q cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Vy. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Vy cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Q xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Võ Thị Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Trịnh Hồng T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Q.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Kim Q được ly hôn với anh Trịnh Hồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 01.10.2019 do Ủy ban nhân dân xã Kiên Thành, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho chị Võ Thị Kim Q với anh Trịnh Hồng T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chị Võ Thị Q được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Thảo Vy, sinh ngày 08/8/2019. Anh Trịnh Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trịnh Hồng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Q xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Q xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Q, anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Võ Thị Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012739 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 24 tháng 10 năm 2022; Chị Võ Thị Q đã nộp đủ án phí.

Anh Trịnh Hồng T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Võ Thị Q có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Trịnh Hồng T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND xã Kiến Thành, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Châu Vũ Sơn